

Mẫu số 09
Mã hiệu:
Số:

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán số 38 ngày 25 tháng 5 năm 2022)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG MẦM NON 8
2. Mã đơn vị: 1049729
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: 083002448270002 Ngân hàng Đông Á- PGD Lý Thường Kiệt

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền thu nhập tăng thêm quý I/2022 (Biên chế)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T5/2022	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	2		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			395.549.959	-	-	-	-	395.549.959	-	-	
1	Đối với công chức, viên chức:			395.549.959	-	-	-	-	395.549.959	-	-	
1	Ngô Thị Thúy Vân	0101386777	NH Đông Á	22.099.685					22.099.685			
2	Nguyễn Thụy Phương Lan	0105056475	NH Đông Á	24.876.516					24.876.516			
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	0105825255	NH Đông Á	18.130.324					18.130.324			
4	Đào Thị Thùy Linh	0102008111	NH Đông Á	28.495.626					28.495.626			
5	Hoàng Thị Ngọc Loan	0101184555	NH Đông Á	25.440.699					25.440.699			
6	Vũ Thị Thanh Xuân	0102594198	NH Đông Á	19.616.924					19.616.924			
7	Trần Minh Thu	0102594200	NH Đông Á	17.655.232					17.655.232			
8	Phan Thị Kiêm Châu	0101980659	NH Đông Á	15.238.107					15.238.107			
9	Bùi Thị Minh Thu	0102593969	NH Đông Á	22.069.040					22.069.040			
10	Phạm Thị Bích Phượng	0102593939	NH Đông Á	23.090.754					23.090.754			
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	0102594225	NH Đông Á	13.506.086					13.506.086			
12	Nguyễn Thị Bích Ly	0108665150	NH Đông Á	13.609.241					13.609.241			
13	Xương Thị Mộng Tuyền	0109415389	NH Đông Á	13.448.322					13.448.322			
14	Nguyễn Thị Hồng Vân	0106648096	NH Đông Á	13.609.241					13.609.241			
15	Bùi Thị Kim Tuyền	0109335288	NH Đông Á	13.639.893					13.639.893			
16	Vương Thị Châu	0101930835	NH Đông Á	12.819.229					12.819.229			
17	Bùi Thị Minh Thùy	0107630026	NH Đông Á	11.440.979					11.440.979			
18	Nguyễn Trần Sơn Thủy	0101929085	NH Đông Á	12.927.243					12.927.243			
19	Trần Thị Chuyền	0104132575	NH Đông Á	11.224.274					11.224.274			
20	Giang Thanh Loan	0102593844	NH Đông Á	20.705.045					20.705.045			

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T5/2022	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
21	Trịnh Lê Ngọc Hạnh	0109955038	NH Đồng Á	7.518.928					7.518.928			
22	Mai Thị Thanh Hiệp	0102320072	NH Đồng Á	7.778.356					7.778.356			
23	Dương Thị Ngọc Hân	0110940471	NH Đồng Á	10.523.662					10.523.662			
24	Dương Thị Liễu	0110956911	NH Đồng Á	7.631.024					7.631.024			
25	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	0110966675	NH Đồng Á	8.455.529					8.455.529			
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-			-	-	-	-	-	-	-	-	
I				-								
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-	-	-	-	-	-	-	-	

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm năm mươi chín đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Giang Thanh Loan

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Giang Thanh Loan

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ngô Thị Thúy Vân

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng

DANH SÁCH LÃNH TIỀN HỖ TRỢ TĂNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND
QUÝ 1/2022

Mức lương cơ sở 1.490.000 đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Hệ số lương của CBCVC hưởng thu nhập tăng thêm				Kết quả đánh giá	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Mức lương bình quân 1 ngày T01/2021 (MLTT:1.490.000/21ngày)	Số ngày làm việc của T01/2021	Mức lương bình quân 1 ngày T02/2021 (MLTT:1.490.000/20ngày)	Số ngày làm việc của T02/2021	Mức lương bình quân 1 ngày T03/2021 (MLTT:1.490.000/23ngày)	Số ngày làm việc của T3/2021	Số tiền T01/2021	Số tiền T2/2021	Số tiền T3/2021	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
			Tổng hệ số lương	Trong đó															
				Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung													
A	B	C	$I=2+3+4$	2	3	4		6	7	8	9	10	11	12	$I3=I*6*7*8$	$I4=I*6*9*10$	$I5=I*6*11*12$		
1	Ngô Thị Thúy Vân	Hiệu trưởng	5,150	4,65	0,50		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	21	74.500	20	64.783	23	7.366.520	7.366.560	7.366.604	22.099.685	
2	Nguyễn Thụy Phương Lan	Phó Hiệu trưởng	5,000	4,65	0,35		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	21	74.500	20	64.783	18	8.939.952	8.940.000	6.996.564	24.876.516	
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Hiệu trưởng	3,380	3,03	0,35		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	21	74.500	20	64.783	23	6.043.408	6.043.440	6.043.477	18.130.324	
4	Đào Thị Thùy Linh	Giáo viên	5,578	4,98	0,20	0,398	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	20	64.783	23	8.548.638	9.973.464	9.973.524	28.495.626	
5	Vũ Thị Thanh Xuân	Giáo viên	4,800	4,65	0,15		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	23	5.885.043	6.865.920	6.865.961	19.616.924	
6	Phạm Thị Bích Phượng	Giáo viên	4,520	4,320	0,20		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	20	64.783	23	6.927.186	8.081.760	8.081.809	23.090.754	
7	Phan Thị Kiêm Châu	Giáo viên	4,470	4,32	0,15		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	14	64.783	19	5.480.446	4.475.722	5.281.939	15.238.107	
8	Trần Thị Chuyển	Giáo viên	3,030	3,03			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	19	64.783	18	3.714.933	4.117.406	3.391.934	11.224.274	
9	Trần Minh Thu	Giáo viên	4,320	4,32			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	23	5.296.538	6.179.328	6.179.365	17.655.232	
10	Bùi Thị Kim Tuyền	Giáo viên	2,670	2,670			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	20	64.783	23	4.091.944	4.773.960	4.773.989	13.639.893	
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	Giáo viên	3,990	3,990			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	15	74.500	20	64.783	15	4.076.618	5.707.296	3.722.172	13.506.086	
12	Mai Thị Thanh Hiệp	Giáo viên	2,060	2,060			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	18	2.525.664	2.946.624	2.306.067	7.778.356	
13	Bùi Thị Minh Thủy	Giáo viên	3,030	3,03			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	18	3.714.933	4.334.112	3.391.934	11.440.979	
14	Bùi Thị Minh Thu	Giáo viên	4,320	4,32			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	20	64.783	23	6.620.673	7.724.160	7.724.207	22.069.040	
15	Dương Thị Liễu	Giáo viên	2,060	2,060			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	19	64.783	18	2.525.664	2.799.293	2.306.067	7.631.024	
16	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Giáo viên	2,060	2,060			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	21	74.500	20	64.783	20	2.946.608	2.946.624	2.562.297	8.455.529	
17	Vương Thị Châu	Giáo viên	3,340	3,340			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	19	4.095.009	4.777.536	3.946.684	12.819.229	
18	Dương Thị Ngọc Hân	Giáo viên	2,060	2,060			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	20	64.783	23	3.157.080	3.683.280	3.683.302	10.523.662	
19	Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo viên	3,330	3,33			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	23	4.082.748	4.763.232	4.763.261	13.609.241	

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Hệ số lương của CBCVC hưởng thu nhập tăng thêm				Kết quả đánh giá	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Mức lương bình quân 1 ngày T01/2021 (MLTT:1.490.000/21ngày)	Số ngày làm việc của T01/2021	Mức lương bình quân 1 ngày T02/2021 (MLTT:1.490.000/20ngày)	Số ngày làm việc của T02/2021	Mức lương bình quân 1 ngày T03/2021 (MLTT:1.490.000/23ngày)	Số ngày làm việc của T3/2021	Số tiền T01/2021	Số tiền T2/2021	Số tiền T3/2021	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
			Tổng hệ số lương	Trong đó															
				Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung													
20	Nguyễn Trần Sơn Thủy	Giáo viên	2,410	2,41			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	21	74.500	20	64.783	23	4.309.057	4.309.080	4.309.106	12.927.243	
21	Nguyễn Thị Bích Ly	Giáo viên	3,330	3,33			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	18	74.500	20	64.783	23	4.082.748	4.763.232	4.763.261	13.609.241	
22	Xương Thị Mộng Tuyền	Giáo viên	3,000	3,00			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	13	64.783	23	4.597.690	3.486.600	5.364.032	13.448.322	
23	Hoàng Thị Ngọc Loan	Giáo viên	4,980	4,980			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	18	74.500	20	64.783	23	7.632.165	8.904.240	8.904.294	25.440.699	
24	Trịnh Lê Ngọc Hạnh	Văn thư	1,860	1,860			Hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,96	70.952	21	74.500	20	64.783	19	2.660.530	2.660.544	2.197.854	7.518.928	
25	Giang Thanh Loan	Kế toán	3,860	3,86			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1,20	70.952	21	74.500	20	64.783	23	6.901.643	6.901.680	6.901.722	20.705.045	
	Cộng		88,608	86,310	1,900	0,398									126.223.438	137.525.093	131.801.428	395.549.959	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm năm mươi chín đồng.

Kế toán



Giang Thanh Loan

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Hiệu Trưởng



Ngô Thị Thúy Vân